

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lại Hùng Hưng;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Đình Hưng và ông Phạm Văn Miền
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn

Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1973), địa chỉ: thôn Chư B, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);
- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1974), địa chỉ: thôn Chư B, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà với ông Nguyễn Văn T trải qua thời gian ngắn yêu thương tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, được UBND xã Thiệu V, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/02/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại xã Đ, huyện Đông S, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2004, vợ chồng chuyển vào sinh sống tại Đ, Gia Lai.

Cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Ông T thường hay uống rượu, cờ bạc, không chịu làm ăn, hay gây sự, chửi bới, đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, đến nay đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Văn S, sinh ngày 29/01/1998; Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/01/2001; Nguyễn Văn L, sinh ngày

02/5/2015. S và T đã thành niên và đều có khả năng lao động tự lập được nên bà không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng. Bà đề nghị Tòa được nuôi cháu L và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu L.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T đã trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn như bà H trình bày.

Cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau. Ông thường hay uống rượu nhưng không đánh đập bà H. Ông vẫn còn tình cảm với bà H. Vì tương lai con cái, ông không đồng ý ly hôn bà H.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung như bà H trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn, ông nhất trí giao cháu L cho bà H nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Giao cháu L cho bà H nuôi dưỡng. Buộc bà H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T và giải quyết nuôi con. Bà H là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày ngày 15/02/1998 tại UBND xã Thiệu V, huyện Thiệu H, tỉnh Thanh Hóa (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 1/1998). Hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Bà H cho rằng, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc. Ông T thường hay uống rượu, cờ bạc, không chịu làm ăn, hay gây sự, chửi bới, đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Ông T thừa nhận cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, vợ chồng nhiều lần cãi vã nhau nhưng cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh vợ chồng còn tình cảm, mục đích hôn nhân có thể đạt được.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà H được ly hôn với ông T.

[4] Bà H và ông T có tất cả 03 con chung gồm: Nguyễn Văn S, sinh ngày 29/01/1998; Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/01/2001; Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/5/2015. Hai con lớn đã thành niên và có khả năng lao động tự lập được nên bà H

không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu L. Ông T cũng nhất trí giao cháu L cho bà H nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu L cho bà H nuôi dưỡng, không buộc ông T cấp dưỡng nuôi cháu L.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc bà H chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/5/2015 cho bà H nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà H và ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc bà H chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002457 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2020), của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Thiệu Vận ;
- CC THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lại Hùng Hưng